

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ TÚ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 25/2025/HNGĐ - ST.

Ngày: 28 - 3 - 2025.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Duy Tân.
2. Ông Lê Hoàng Diệt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 315/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1995 địa chỉ: Số C, khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố C vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1997 địa chỉ: Số I, ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 10/02/2025 bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Vào năm 2023, bà và ông K kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 02/4/2024. Sau khi kết hôn,

bà và ông K sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân và đã ly thân cho đến nay. Nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc K.

Trong quá trình chung sống, bà và ông K có một người con tên là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024, hiện nay con chung đang sinh sống với ông K nên bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Quốc K không có văn bản phúc đáp đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do bà Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Quốc K không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Quốc K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng ông K vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Quốc K.

Bên cạnh đó, bà Nguyễn Thị Ngọc M vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Ngọc M.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Quốc K có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2024 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Quốc K là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Nguyễn Quốc K. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc M Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, bà M và ông K chung sống cùng cha mẹ của bà M tại khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ông K bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Từ đó, do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống. Mặt khác, từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý cho ông Nguyễn Quốc K và từ khi ông K về nhà mẹ ruột sống cho đến nay nhưng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Nguyễn Quốc K không tìm được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù Tòa án tạo điều kiện hai lần mời ông K phải có mặt tại Tòa án để tiến hành hoà giải nhưng ông không chấp hành và phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Quốc K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Quốc K.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà M và ông K có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024, hiện nay đang sống chung với ông K. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024. Xét thấy:

Mặc dù, qua quá trình xác minh của Toà án tại Phòng Văn hóa và Thông tin huyện M; Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện M; Ban N, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; cha mẹ của ông K là bà Huỳnh Cẩm L, ông Nguyễn Ngọc S xác định trong quá trình cháu B chung sống với ông K không có thông tin, phản ánh về việc bị gia đình bạo lực hay đối xử ngược đãi, ông K đều chứng minh được điều kiện nuôi con về vật chất và hiện nay ông K đi làm xa và giao cháu B cho ông S, bà L1 nuôi dưỡng. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 tính đến ngày xét xử (ngày 28/3/2025) cháu B được 08 tháng 15 ngày tuổi là con dưới 36 tháng tuổi; Căn cứ vào hợp đồng lao động và số tiền lương thực lãnh mức lương của bà M là 4.674.000 đồng/tháng, thời gian làm việc 08 giờ/ngày, 06 ngày/tuần theo hợp đồng lao động bà đã cung cấp là đảm bảo về thu nhập ổn định mỗi tháng, điều kiện về thời gian tối thiểu để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Mặt khác, hiện nay cháu B được 08 tháng 15 ngày tuổi, cháu còn rất nhỏ nên cần có sự trông nom, quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ, cháu B cần được bảo vệ để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Bên cạnh đó, bà M cho rằng sau khi kết hôn, bà M về chung sống với gia đình bên bà, đến khi sinh con bà M vẫn sống chung và chăm sóc cháu B. Do mâu thuẫn vợ chồng, ông K về bên gia đình mẹ ruột để sinh sống, khi đi ông K có ẵm con đi cùng, bà M nhiều lần xuống nhà để ẵm con về nhưng gia đình ông K không cho nên bà M không có bỏ con và lời trình bày của bà M là hoàn toàn có căn cứ. Bà M không có bỏ cháu B vì theo như biên bản xác minh ngày 20/02/2025 ông S, bà L1 trình bày *“Sau khi ông K ẵm cháu B về ban đêm thì sáng hôm sau khoảng 07 – 08 giờ sáng bà M xuống nhà chúng tôi để ẵm cháu B về, lúc đó ông K ngăn cản không cho ẵm cháu B về”*. Đồng thời, hiện nay cháu B đang sống với bà L1, ông S nhưng ông S, bà L1 đang bị truy tố về *“Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”* theo khoản 1 Điều 178 Bộ Luật hình sự nên xét về môi trường sống, giáo dục nếu tiếp tục giao cháu B cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng là không đảm bảo về quyền lợi mọi mặt, không đảm bảo điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Điều kiện của ông K là không tốt hơn điều kiện của bà M và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm

sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 là có căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Quốc K có quyền thăm nom cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Nguyễn Thị Ngọc M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Quốc K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 đang sống với ông Nguyễn Quốc K nên cần buộc ông Nguyễn Quốc K phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 cho bà Nguyễn Thị Ngọc M để bà M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà M không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Ngọc M cho rằng trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Quốc K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Ngọc M cho rằng bà và ông Nguyễn Quốc K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Quốc K được ly hôn.
2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024. Buộc ông Nguyễn Quốc K phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 cho bà Nguyễn Thị Ngọc M để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà M không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Quốc K có quyền thăm nom cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024 không ai được cản trở. Bà Nguyễn Thị Ngọc M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Quốc K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 13/7/2024.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M xác định trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Quốc K không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M xác định trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Quốc K không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007542 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Nguyễn Thị Ngọc M nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quốc K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- UBND xã Long Hưng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Tú;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng (PKTNV và THA);
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa